

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Chương: 417

**CHI TIẾT KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2025**

Đơn vị: Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ

Mã số: 1020854

Chương 417 – Loại 100 – Khoản 103

Tại Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc nhà nước khu vực II (Mã số 0112)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày tháng 11 năm 2025 của Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM)

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Điều chỉnh giảm dự toán	Dự toán sau điều chỉnh
	Tổng cộng	68.925.286.600	4.503.726.000	64.421.560.600
I.	Đề án hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025	13.961.475.000	1.670.642.000	11.347.594.600
1	Nâng cao năng lực cho các thành phần hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST; hình thành các hệ sinh thái ĐMST của các lĩnh vực, sản phẩm trọng điểm	3.564.975.000	0	2.621.736.600
2	Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST phát triển sản phẩm và thị trường	3.750.000.000	1.670.642.000	2.079.358.000
3	Thúc đẩy hoạt động ĐMST trong khu vực công	1.350.000.000		1.350.000.000
4	Thúc đẩy hoạt động hợp tác quốc tế khởi nghiệp ĐMST	532.000.000		532.000.000
5	Truyền thông khởi nghiệp ĐMST	4.764.500.000		4.764.500.000

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Điều chỉnh giảm dự toán	Dự toán sau điều chỉnh
II.	Các hoạt động khoa học công nghệ tại Sở KHCN	55.907.050.000	2.833.084.000	42.131.965.000
1	Hoạt động quản lý nhà nước về KHCN (quản lý khoa học, quản lý công nghệ, quản lý SHTT, quản lý ATBX, quản lý DN KHCN, tổ chức KHCN, đào tạo, hội thảo và phối hợp tổ chức hội thảo, hợp tác, các Hội đồng tư vấn, chuyên gia, thuê khoán, các sự kiện Ngày KH&CN, ngày SHTT, hợp tác quốc tế,... và các hoạt động khác phục vụ công tác quản lý nhà nước về KH,CN, ĐMST và CDS)	16.847.849.000	0	16.847.849.000
2	Thông tin và thống kê KH&CN	3.948.000.000	2.833.084.000	1.114.916.000
3	Chiến lược sở hữu trí tuệ và phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030	1.450.000.000		1.450.000.000
4	Triển khai các chương trình, đề án của Chính phủ về TXNG, NSCL, đo lường và giải thưởng Chất lượng quốc gia	914.000.000		914.000.000
5	Thuê trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh BRVT (TB 385 ngày 17/6/2025)	16.898.300.000		16.898.300.000
6	Chi Công nghệ thông tin	4.906.900.000		4.906.900.000
III.	Dự án công nghệ thông tin	10.942.001.000	0	10.942.001.000
1	Dự án CNTT: Xây dựng, nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin tại Sở Khoa học và Công nghệ	3.063.000.000		3.063.000.000
2	Dự án CNTT: Số hóa hồ sơ lưu trữ tại Sở Khoa học và Công nghệ	2.489.000.000		2.489.000.000
3	Dự án CNTT: Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại Sở KHCN	301.500.000		301.500.000
4	Dự án CNTT: Nâng cấp mở rộng hệ thống thông tin giải quyết TTHC	5.088.501.000		5.088.501.000